

(Dự thảo)

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH, SINH VIÊN THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP, CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai với một số nội dung chính như sau:

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>- Điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh: “<i>Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước</i>”.</p> <p>- Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “<i>Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương</i>”.</p> <p>- Điểm c khoản 1 Điều 21</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Trẻ em mầm non thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p>	<p>- Trẻ mầm non, gồm: Trẻ em nhà trẻ, Trẻ em mẫu giáo từ trên 5 tuổi, Trẻ em mẫu giáo từ 3 -5 tuổi.</p> <p>- Học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú, tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Trẻ em nhà trẻ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p> <p>- Trẻ em mẫu giáo từ trên 5 tuổi, thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em người dân tộc</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: <i>“Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”</i>.</p>	<p>b) Học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p> <p>c) Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú.</p> <p>d) Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học trình độ cao đẳng, trung cấp có ở nội trú tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà chưa được hưởng các chính sách theo quy định của Trung ương.</p> <p>Điều 2. Mức hỗ trợ và thời gian thực hiện</p> <p>1. Hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em mầm non thường trú tại xã,</p>	<p>thiếu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p> <p>- Trẻ em mẫu giáo từ 3 -5 tuổi, thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p> <p>- Học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú chưa được hưởng chính sách bán trú.</p> <p>- Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú (chưa được hưởng chính sách).</p> <p>- Học sinh, sinh viên nội trú học cao đẳng, trung cấp nghề nghiệp là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (chưa được hưởng các chính sách của Trung ương).</p> <p>- Mức hỗ trợ áp dụng theo Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 160.000 đồng/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>2. Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 700.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>3. Hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú: 240.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>4. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học trình độ cao đẳng, trung cấp có ở nội trú tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà chưa được hưởng các chính sách theo quy định của Trung ương; mỗi học sinh, sinh viên được hỗ trợ:</p> <p>a) 80% mức lương cơ sở/người/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 10 tháng/năm học.</p> <p>b) Hỗ trợ một lần tiền mua đồ dùng cá nhân ở nội trú: 1.000.000 đồng/người/khóa.</p> <p>c) Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: 200.000</p>	<p>28/3/2026 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Phát triển nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030”.</p> <p>- Mức hỗ trợ áp dụng theo Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Phát triển nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030”.</p> <p>- Mức hỗ trợ áp dụng theo Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Phát triển nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030”.</p> <p>- Mức hỗ trợ áp dụng theo Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Phát triển nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030”.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>đồng/người/năm.</p> <p>5. Trường hợp học sinh, sinh viên thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.</p> <p>6. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2026-2027.</p> <p>Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác, dự kiến kinh phí cho 01 năm học khoảng: 161.568.720 ngàn đồng. Trong đó:</p> <p>1. Giáo dục mầm non:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em nhà trẻ: 2.378.880 ngàn đồng; - Kinh phí hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo từ trên 5 tuổi: 38.560.320 ngàn đồng; - Kinh phí hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo từ 3 -5 tuổi: 25.349.760 ngàn đồng. <p>2. Giáo dục phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 25.965.200 ngàn đồng; - Kinh phí hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú: 53.565.840 ngàn đồng. <p>3. Giáo dục nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		viên nội trú học cao đẳng, trung cấp nghề nghiệp là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc tốt nghiệp tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú: 17.748.720 ngàn đồng.